

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2025/HS-PT**

Ngày: 26/8/2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phùng Anh Dũng**

Các Thẩm phán: Ông **Đặng Kim Nhân** và ông **Trần Đức Kiên**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 307/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2025 đối với các bị cáo **Nguyễn B** và các đồng phạm về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 6 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng).

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn B**; giới tính: nam; sinh ngày 10/10/1959, tại **huyện T, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **Số nhà B H, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng)**; nghề nghiệp: Hưu trí (nguyên Hiệu trưởng **Trường Cao đẳng Y**; bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 1397-QĐ-TU ngày 28/5/2024 của **Ban T7**); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn P** (đã chết) và bà **Đỗ Thị C**, sinh năm 1934; có vợ là **Nguyễn Thị B1**, sinh năm 1964 và có 02 con (con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1996); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. **Huỳnh Tấn T1**; giới tính: nam; sinh ngày 25/4/1976, tại **huyện H, tỉnh Quảng Nam**; nơi đăng ký HKTT: **khởi phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng)**; nơi ở hiện tại: **Số F T, khởi phố F,**

phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: Viên chức nhà nước (nguyên Hiệu trưởng **Trường Cao đẳng Y**; bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 1378-QĐ/TU ngày 07/5/2024 của **Ban T7**); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Huỳnh Tấn H**, sinh năm 1943 và bà **Phạm Thị X**, sinh năm 1945; có vợ là **Phạm Thị Lệ U**, sinh năm 1978 và có 02 con (con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. **Nguyễn Đức Đ**; giới tính: nam; sinh ngày 15/10/1970, tại **huyện N, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **khôi phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường T, thành phố Đà Nẵng)**; nghề nghiệp: Viên chức nhà nước (nguyên Kế toán trưởng **Trường Cao đẳng Y**; bị khai trừ ra khỏi Đảng theo Quyết định số 1398-QĐ/TU ngày 28/5/2024 của **Ban T7**); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn S** (đã chết) và bà **Võ Thị H1**, sinh năm 1946; có vợ là **Trần Thị T2**, sinh năm 1964 và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 1994, con nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Vắng mặt.

4. **Vũ Từ L**; giới tính: nam; sinh ngày 12/6/1972, tại **thành phố T, tỉnh Quảng Nam**; nơi cư trú: **Số A T, khôi phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (nay là phường H, thành phố Đà Nẵng)**; nghề nghiệp: Giám đốc **Công ty TNHH P1**; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Vũ Thu S1**, sinh năm 1935 và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1937; có vợ là **Huỳnh Thị Đ1**, sinh năm 1976 và có 02 con (con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2012); tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

* **Bị hại: Trường Cao đẳng Y**. Địa chỉ: **Số D N, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam**.

Đại diện theo Pháp luật: Ông **Bùi Long Æ** – Chức vụ: Quyền Hiệu trưởng. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Bà **Lê Thị Kim N** – Chức vụ: Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Tổ chức – Hành chính – Quản trị **Trường Cao đẳng Y**. Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn B*: Luật sư **Trần Tuấn L1** - **Đoàn luật sư thành phố Đ**. Địa chỉ: **Số I, đường Y, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tấn T1 và Vũ Từ L*: Luật sư **Trần Khánh V** - **Đoàn Luật sư T**. Địa chỉ: **A B, phường H, thành phố Đà Nẵng**. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Đức Đ*: Luật sư Lưu Thị L2 – Đoàn Luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: Đ, phường H, Thành phố Đà Nẵng (trước đây là xã T, tỉnh Quảng Nam cũ). Vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Tấn T1*: Luật sư Dương Kim H2 - Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Số B N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường Cao đẳng Y được thành lập theo quyết định số 408/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của UBND tỉnh Q.

Ngày 05/11/2012, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3545/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm ông Nguyễn B làm Hiệu trưởng và đến ngày 13/8/2019 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2567/QĐ-UBND về việc cho ông Nguyễn Ba N1 hưu từ ngày 01/11/2019.

Ngày 01/11/2019, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 3482/QĐ-UBND giao cho ông Huỳnh Tấn T1 - Chức vụ: Phó Hiệu trưởng phụ trách, điều hành Trường Cao đẳng Y; ngày 24/8/2021 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 2432/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm ông Huỳnh Tấn T1 giữ chức vụ Hiệu trưởng từ ngày 01/9/2021.

Ngày 12/11/2014, UBND tỉnh Q ban hành quyết định số 3614/QĐ-UBND về việc bổ nhiệm lại chức vụ Kế toán trưởng Trường Cao đẳng Y đối với ông Nguyễn Đức Đ, đến ngày 31/8/2023 UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1836/QĐ-UBND về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và làm kế toán viên.

Từ năm 2017 đến năm 2023, Nguyễn B, Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện hành vi lập khống chứng từ thanh toán nguồn kinh phí thường xuyên (thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in và tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh) để sử dụng trái nguyên tắc tài chính - kế toán gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Về hành vi lập khống chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại số tiền: 384.000.000 đồng.

Năm 2017, Trường Cao đẳng Y lập dự toán chi phí thường xuyên có mục chi bảo trì máy vi tính, máy in với số tiền 96.000.000 đồng. Tuy nhiên, Trường Cao đẳng Y không thực hiện bảo trì máy vi tính, máy in mà Nguyễn Ba C1 với Nguyễn Đức Đ bàn bạc, thống nhất nhờ Vũ Từ L (Giám đốc Công ty TNHH P1, viết tắt Công ty P1) ký hợp thức hồ sơ bảo trì máy vi tính, máy in để thanh toán không số tiền 96.000.000 đồng sử dụng chi quà Tết, L đồng ý ký giúp và lấy 10% tiền thanh toán để nộp thuế. Quá trình thực hiện việc lập khống hồ sơ Vũ Từ L là

người cung cấp các báo giá cho **Nguyễn Đức Đ** để lập không hồ sơ chỉ định thầu cho **Công ty P1** là đơn vị trúng thầu thực hiện bảo trì 62 bộ máy vi tính, 30 cái máy in với số tiền là 96.000.000 đồng và ký kết hợp đồng bảo trì. Thực tế năm 2017, **Công ty P1** không thực hiện bảo trì máy vi tính, máy in cho **Trường Cao đẳng Y**, đến đầu năm 2018 hai bên đã thanh lý hợp đồng và **Trường Cao đẳng Y** thanh toán cho **Công ty P1** số tiền 96.000.000 đồng, chuyển vào tài khoản của **Công ty P1**, **Công ty P1** giữ lại 9.600.000 đồng (tương đương 10%) để nộp thuế, số tiền còn lại 86.400.000 đồng **Công ty P1** chuyển trả lại bằng tiền mặt cho **Nguyễn Đức Đ**.

Với cách thức thực hiện như trên: năm 2018 (**Nguyễn B** và **Nguyễn Đức Đ**), năm 2019, 2020 (**Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1** và **Nguyễn Đức Đ**) tiếp tục đưa mục chi phí bảo trì máy vi tính, máy in vào dự toán và nhờ **Vũ Từ L** ký hợp thức hồ sơ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in với số tiền 96.000.000 đồng/01 năm, tổng cộng số tiền 288.000.000 đồng/03 năm, **Công ty P1** giữ lại số tiền 28.800.000 đồng (tương đương 10%) để nộp thuế, số tiền còn lại 259.200.000 đồng **Công ty P1** chuyển trả lại bằng tiền mặt cho **Nguyễn Đức Đ**.

Việc hợp thức chứng từ **Vũ Từ L** giao cho **Đoàn Thị T3** – Nhân viên kế toán **Công ty P1** trao đổi với **Nguyễn Đức Đ** soạn thảo nội dung ký kết hợp đồng, nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Đồng thời năm 2020, **Vũ Từ L** yêu cầu **Đoàn Thị T3** rút tiền mặt từ tài khoản của Công ty để giao lại cho **Nguyễn Đức Đ** số tiền 86.400.000 đồng theo thỏa thuận, đối với các năm 2017, 2018, 2019 **Nguyễn Đức Đ** nhận 259.200.000 đồng nhưng không xác định được người nào của **Công ty P1** đưa.

Từ năm 2017 đến năm 2020, các đối tượng trên đã lập không 04 bộ hồ sơ để thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in với tổng số tiền là 384.000.000 đồng. Sau khi **Công ty P1** ký hợp thức hồ sơ, xuất hóa đơn thì **Trường Cao đẳng Y** thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của **Công ty P1**, **Công ty P1** giữ lại số tiền 38.400.000 đồng (10%) để nộp thuế, số tiền còn lại: 345.600.000 đồng **Vũ Từ L** chỉ đạo cho Kế toán chuyển trả lại cho **Trường Cao đẳng Y**, **Nguyễn Đức Đ** là người trực tiếp nhận tiền. Toàn bộ số tiền 345.600.000 đồng **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** khai sử dụng để chi mua quà Tết Nguyên đán cho một số cá nhân và tổ chức, tuy nhiên không nhớ là chi cho ai, đơn vị nào và với số tiền bao nhiêu (do không có sổ sách theo dõi việc chi tiền và chỉ có **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1** và **Nguyễn Đức Đ** biết).

2. Về hành vi lập không chứng từ thanh toán tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh gây thiệt hại số tiền 31.500.000 đồng.

Năm 2023, **Trường Cao đẳng Y** được UBND tỉnh giao dự toán chi hỗ trợ công tác tuyển sinh, tiếp cận thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho

học sinh, sinh viên số tiền 500.000.000 đồng (theo Quyết định số: 3371/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Q). Thực hiện nội dung trên Trường Cao đẳng Y thành lập hội đồng tuyển sinh, ban hành quyết định, kế hoạch chi tiết phân công nhiệm vụ cử cán bộ tham gia đi đến các Trường THPT trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để tư vấn tuyển sinh. Trong cuộc họp tuyển sinh, một số thành viên trong hội đồng tuyển sinh có ý kiến, quá trình đi tuyển sinh có một số khoản chi phí thực tế phát sinh ngoài quy chế chi tiêu nội bộ, do đó đề nghị nhà trường hỗ trợ thêm chi phí, cuộc họp thống nhất hỗ trợ mỗi đoàn tuyển sinh 1.500.000 đồng/đợt.

Để có tiền hỗ trợ thêm cho đoàn công tác tuyển sinh, khoảng đầu tháng 4/2023, Huỳnh Tấn T1 đã chỉ đạo cấp dưới lập chứng từ thanh toán không việc thuê xe ô tô đi tư vấn tuyển sinh, cụ thể: Bùi Anh V1 (nhân viên lái xe của Trường Cao đẳng Y) mua hóa đơn, Nguyễn Vũ H3 (Trưởng phòng công tác Học sinh - Sinh viên Trường Cao đẳng Y) cùng với Bùi Anh V1 lập hợp đồng, thanh lý hợp đồng, Nguyễn Đức Đ chịu trách nhiệm lập hồ sơ để trình Huỳnh Tấn T1 ký duyệt thanh toán. Sau đó, Bùi Anh V1 đã gặp Nguyễn Văn V2 (làm nghề lái xe chở khách) nhờ mua hóa đơn, Nguyễn Văn V2 gặp Phan Đăng K (chủ hộ kinh doanh Phan Đăng K) để mua hóa đơn, hai bên thống nhất tiền mua hóa đơn là 10% số tiền ghi trên hóa đơn. Từ tháng 4/2023 tháng 6/2023, hộ kinh doanh Phan Đăng K đã xuất bán cho Trường Cao đẳng Y tổng cộng 04 hóa đơn với số tiền 31.500.000 đồng, Phan Đăng K lấy 3.150.000 đồng tiền bán hóa đơn (K sử dụng nộp thuế số tiền: 1.417.500 đồng, sử dụng cho cá nhân số tiền: 1.732.500 đồng); số tiền còn lại 28.350.000 đồng Phan Đăng K thông qua Bùi Anh V1 và Nguyễn Văn V2 chuyển trả cho Trường Cao đẳng Y. Nguyễn Văn V2 lấy tiền công mua hóa đơn 800.000 đồng, Bùi Anh V1 chi uống nước 750.000 đồng, còn lại 26.800.000 đồng V1 đưa lại cho Nguyễn Đức Đ.

Sau khi nhận 26.800.000 đồng, Nguyễn Đức Đ giữ lại số tiền 20.500.000 đồng; chi cho Nguyễn Vũ H3 số tiền 6.300.000 đồng để hỗ trợ chi phí cho các đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh. Nguyễn Vũ H3 cho Trương Thị Xuân T4 (Phó Trưởng phòng công tác Học sinh - Sinh viên) số tiền 6.000.000 đồng và chi cho Tăng Văn V3 (Giảng viên khoa Y1) số tiền 300.000 đồng để hỗ trợ chi phí tuyển sinh. Trương Thị Xuân T4 chi lại cho Nguyễn Văn C3 (Phó Trưởng khoa Dược), Lê Thị Kim N (Phó Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính – Quản trị) và Nguyễn Thị Thanh L3 (Phó trưởng khoa Dược) mỗi người 1.500.000 đồng, bà T4 giữ lại 1.500.000 đồng, tất cả để chi phí ăn uống cho đoàn đi tư vấn tuyển sinh.

3. Về hành vi lập không chứng từ thanh toán nguồn vốn vay ODA từ Dự án “Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” gây thiệt hại số tiền 421.588.852 đồng mà Cơ quan điều tra kết luận và quy buộc đối với bị can Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ:

Ngày 29/9/2017, **Bộ Y2** và **UBND tỉnh Q** ký kết Thỏa thuận tài trợ dự án “Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” (viết tắt **Ban Q** thuộc **Bộ Y2**). Tại khoản 4 Điều 1 của Thỏa thuận quy định: “Thời gian thực hiện: từ khi thỏa thuận được ký kết đến hết ngày 30/9/2020”; khoản 5 Điều 2 của Thỏa thuận quy định việc thanh quyết toán được thực hiện: “Thanh quyết toán 100% kinh phí dựa trên chứng từ hợp lý, hợp pháp, hợp lệ.... Trường hợp nếu phần kinh phí đã tạm ứng vượt quá số tiền được thanh toán, UBND tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Trường hoàn trả số kinh phí vượt quá này”; Điều 3 của Thỏa thuận quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của **UBND tỉnh Q** “Phê duyệt báo cáo quyết toán theo đúng thời hạn quy định của Chính phủ và gửi kết quả phê duyệt quyết toán về **Ban Q** để làm quyết toán tổng hợp toàn Dự án”.

Theo đó, **Ban Q** hỗ trợ cho **Trường Cao đẳng Y** để thực hiện các hoạt động đổi mới chương trình đào tạo điều dưỡng dựa trên năng lực, thuộc tiêu hợp phần 1.2, Dự án “Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế”. **Trường Cao đẳng Y** thực hiện dự án và đã thanh toán với tổng số tiền là: 7.147.030.954 đồng (nguồn vốn dự án cấp: 6.528.537.290 đồng, đối ứng ngân sách tỉnh cấp: 618.493.660 đồng).

Ngày 30/9/2020, **Ban Q** yêu cầu hoàn thành các thủ tục và thanh quyết toán để đóng dự án. Do các khoa và bộ môn chưa cung cấp hồ sơ, chứng từ chấm công để **Trường Cao đẳng Y** quyết toán dự án HPET, nên **Ban Q** của **T5** đã tổ chức họp dưới sự chủ trì của **Huỳnh Tấn T1** lúc đó là Phó Hiệu trưởng phụ trách, Giám đốc **Ban Q** đi đến thống nhất tính tiền cho một giờ thực hiện chương trình như sau: lấy trung bình tiền lương của toàn bộ giảng viên của trường đối với 1 giờ làm việc sau đó nhân với hệ số lương làm thêm ngoài giờ, được khoảng 90.000 đồng/1 giờ. Do dự án HPET yêu cầu thanh toán để đóng dự án nên **Nguyễn Đức Đ** tham mưu cho **Huỳnh Tấn T1** lấy số giờ theo kế hoạch đã ban hành nhân với 90.000 đồng/1 giờ như đã thống nhất trong cuộc họp để đề nghị thanh toán với **Ban Q**, **Huỳnh Tấn T1** đồng ý và **Nguyễn Đức Đ** đã lập hồ sơ thanh toán với dự án HPET, số tiền thanh quyết toán là: 1.920.240.000 đồng.

Ngày 27/10/2020, **Trường Cao đẳng Y** lập chứng từ thanh toán số tiền 1.920.240.000 đồng. Ngày 30/10/2020, **Trường Cao đẳng Y** đã lập Giấy đề nghị xác nhận chi phí hợp lệ vốn sự nghiệp gửi **Kho bạc nhà nước Q1** tạm ứng số tiền 1.920.240.000 đồng, cùng ngày **Kho bạc nhà nước Q1** chấp nhận tạm ứng số tiền 1.920.240.000 đồng. Ngày 30/10/2020, **Trường Cao đẳng Y** lập Giấy đề nghị ghi thu, ghi chi số tiền 1.920.240.000 đồng, cùng ngày **Kho bạc nhà nước Q1** chấp thuận ghi thu, ghi chi số tiền 1.920.240.000 đồng (nguồn viện trợ chi thường xuyên).

Đến cuối năm 2020, các khoa và bộ môn cung cấp chứng từ thực hiện chương trình đề nghị thanh toán, bộ phận kế toán căn cứ trên chứng từ chi phí thực tế do

khoa, bộ môn gửi lên thì số tiền thanh toán thực tế là: 1.498.651.148 đồng (trong đó: thanh toán tiền biên soạn đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình và xây dựng công cụ lượng giá: 1.077.399.898 đồng, thanh toán tiền xây dựng chuẩn đầu ra: 23.562.500 đồng, thanh toán tiền công và soát, khảo sát các học phần: 23.188.750 đồng, chi thanh toán tiền thẩm định **bộ C4** lượng giá: 116.300.000 đồng, chi thanh toán tiền thẩm định giáo trình: 121.700.000 đồng, chi thanh toán tiền hội đồng thẩm định đề cương chi tiết: 136.500.000 đồng). Như vậy, số tiền đã thanh toán với HPET là 1.920.240.000 đồng, số tiền thanh toán thực tế là 1.498.651.148 đồng, số tiền chi không hết là 421.588.852 đồng lúc này đang ở trong tài khoản ngân hàng của **Trường Cao đẳng Y**, mở tại **Ngân hàng Đ4 chi nhánh Q2**.

Đầu năm 2021, do tình hình **dịch bệnh C - 19** kéo dài từ năm 2020 sang năm 2021, thời gian bệnh nhân đến khám ít, nguồn thu tại **Bệnh viện Y** giảm, không đủ kinh phí để chi lương tháng 3/2021 cho cán bộ, công nhân viên của Bệnh viện. Ngày 10/3/2021, Ban Giám hiệu Nhà trường họp thống nhất cho **Bệnh viện Y** ứng tiền từ nguồn kinh phí hiện có của **T5** để Bệnh viện đa khoa chi lương tháng 3/2021 cho cán bộ với số tiền 389.582.000 đồng; thời hạn hoàn ứng sau khi có nguồn tạm ứng của BHXH quý 2/2021; số tiền còn lại 32.006.468 đồng vẫn còn trong tài khoản của nhà Trường và chưa sử dụng. Ngày 11/3/2021, **Trường Cao đẳng Y** có Ủy nhiệm chi số tiền 389.582.000 từ tài khoản số 001625870006 tại **ngân hàng Đ4** đến tài khoản số 017961330001 của **Bệnh viện Y**.

Đến năm 2024, **Bệnh viện Y** mới có kinh phí hoàn ứng chuyển trả lại cho **T5** số tiền nêu trên (đợt 1 vào ngày 19/02/2024 hoàn ứng số tiền 157.669.652 đồng; đợt 2 vào ngày 09/7/2024 hoàn ứng số tiền 231.912.732 đồng). Số tiền này Bệnh viện đa khoa của **T5** đã hoàn trả đầy đủ cho **Trường Cao đẳng Y**, hiện nay đang được chuyển vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** để phục vụ công tác điều tra.

Xác minh tại **Trường Cao đẳng Y**, xác định: ngày 03 tháng 4 năm 2024, **Trường Cao đẳng Y** (Hiệu trưởng **Huỳnh Tấn T1** ký) có Công văn số 111/CV-CĐYT gửi **Sở Tài chính tỉnh Q** đề nghị phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc Hợp phần 1 – Dự án HPET, cụ thể:

- Về tình hình kinh phí: tổng vốn dự án: 791.200 USD (trong đó: vốn vay ưu đãi: 750.000 USD; vốn đối ứng: 41.200 USD, tương đương 920.000.000 đồng).

- Về tình hình sử dụng vốn: vốn vay ưu đãi: 282.552 USD tương ứng số tiền 6.528.537.294 đồng; vốn đối ứng: 618.494.000 đồng.

- Số đơn vị đề nghị quyết toán theo ghi thu, ghi chi tại KBNN: vốn vay ưu đãi: 282.552 USD tương ứng số tiền 6.528.537.294 đồng; vốn đối ứng: 618.494.000 đồng (số đã được phê duyệt quyết toán). Hiện nay, số tiền đã ghi thu

ghi chi đơn vị không chi hết là 421.588.852 đồng đơn vị xin nộp khôi phục ngân sách.

Xác minh tại **Sở Tài chính tỉnh Q**, xác định: trên cơ sở nội dung Công văn số 111/CV-CDYT ngày 03/4/2024 của **Trường Cao đẳng Y**; ngày 30/9/2024, **Sở Tài chính tỉnh Q** có Tờ trình số 473/TTr-STC gửi **UBND tỉnh Q** về việc phê duyệt quyết toán dự án sử dụng vốn nước ngoài Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế (HPET) của **Trường Cao đẳng Y**:

- Đối với số đã được ghi thu, ghi chi từ nguồn vốn nước ngoài Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh năm 2020 như sau:

+ Số liệu ghi thu, ghi chi theo hồ sơ xác nhận của **Kho bạc nhà nước tỉnh Q1** năm 2020 là 2.783.568.894 đồng, trong đó số liệu ghi thu, ghi chi nội dung “Chuyển tiền xây dựng đề cương chi tiết, biên soạn giáo trình, lượng giá, chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo, hoàn thiện và giảng dạy thí điểm các nhóm học phần theo các mã hoạt động... là 1.920.240.000 đồng” (Giấy chấp thuận ghi thu, ghi chi và xác nhận chi phí hợp lệ có xác nhận của **Kho bạc nhà nước tỉnh Q1** ngày 30/10/2020).

+ Số thực chi theo báo cáo của đơn vị kèm theo các chứng từ chuyển tiền có xác nhận của ngân hàng là 1.498.651.148 đồng (trên cơ sở đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc chi trả các nội dung thanh toán tiền công biên soạn, thẩm định chương trình đào tạo, giáo trình, lượng giá... đảm bảo theo quy định của Thỏa thuận tài trợ và hướng dẫn của **Bộ Y2**).

+ Số tiền còn lại là 421.588.852 đồng: theo báo cáo tại Công văn số 456/BC-CDYT ngày 30/9/2024, **Trường Cao đẳng Y** đã nộp vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan CSĐT **Công an tỉnh Q** tại Công văn số 2167/CSKT ngày 04/9/2024 về việc đề nghị chuyển tiền vào tài khoản tạm giữ để khắc phục hậu quả.

- Đối với nguồn kinh phí ngân sách tỉnh thực hiện dự án: **Sở T** xác định quyết toán kinh phí đối ứng dự án từ nguồn ngân sách tỉnh là 618.493.660 đồng.

Sở Tài chính tỉnh UBND tỉnh Q xem xét, phê duyệt quyết toán kết thúc dự án Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế (HPET) đối với nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn vốn nước ngoài và kinh phí đối ứng của tỉnh như sau: quyết toán kinh phí thực hiện dự án từ nguồn vốn nước ngoài Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh giai đoạn 2018-2020 là 6.106.948.442 đồng; quyết toán kinh phí đối ứng từ ngân sách tỉnh là 618.493.660 đồng.

Làm việc với bị can **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** khai nhận: số tiền 1.920.240.000 đồng đã thanh toán với **Ban Q** mới chỉ được gọi là chấp nhận thanh toán, chưa được xem là đã được phê duyệt quyết toán bởi vì theo quy định tại Điều 3 Thỏa thuận tài trợ giữa **Bộ Y2** và **UBND tỉnh Q** ngày 29/9/2017 về dự án

Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế quy định trách nhiệm và nghĩa vụ của UBND tỉnh Q “Phê duyệt báo cáo quyết toán theo đúng thời hạn quy định của Chính phủ và gửi kết quả phê duyệt quyết toán về Ban Q để làm quyết toán tổng hợp toàn Dự án”. Do đó, khi nào UBND tỉnh phê duyệt quyết toán thì lúc đó mới được xem là phê duyệt. Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Đức Đ không có động cơ, mục đích tư lợi gì trong việc thanh toán số tiền nêu trên; do áp lực về việc thực hiện dự án, dự án HPET sẽ đóng vào ngày 30/9/2020 nên mới ước tính số tiền là 1.920.240.000 đồng để quyết toán với Ban Q. Sau khi lập chứng từ thanh toán số tiền 1.920.240.000 đồng tiền của dự án HPET, đối chiếu kiểm tra lại thì thực tế chứng từ thanh toán là: 1.498.651.148 đồng; số tiền 421.588.852 đồng là số tiền chi không hết từ việc thanh toán với Ban Q; thực tế đây là số tiền thanh toán chi không hết chứ không phải là số tiền thanh toán không; Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Đức Đ không lợi dụng, chức vụ quyền hạn trong việc thanh toán số tiền này, thực tế số tiền này sử dụng vào việc cho đơn vị cấp dưới là Bệnh viện Đ5 tạm ứng để chi lương (có sự đồng ý của Ban Giám hiệu và Công đoàn nhà Trường). Tuy nhiên, do tình thế cấp thiết, khách quan dịch bệnh Covid-19 kéo dài nên mới quyết định về việc sử dụng nguồn kinh phí này để cho Bệnh viện đa khoa Trường tạm ứng để chi lương; việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí vào mục đích trên là chưa tuân thủ theo đúng nguyên tắc tài chính, kế toán.

Do dự án HPET sẽ đóng vào ngày 30/9/2020 nên Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ mới ước tính số tiền là 1.920.240.000 đồng để quyết toán với Ban Q. Đến cuối năm 2020, sau khi kiểm tra, rà soát thì thực tế chứng từ thanh toán số tiền 1.498.651.148 đồng; đầu năm 2021 T5 cho Bệnh viện Đ5 để chi lương, đến năm 2024 Bệnh viện Đ5 ứng trả lại cho T5. Mặt khác, sau khi chi không hết số tiền trên, T5 cũng có văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và nộp lại số tiền chi không hết nêu trên; tuy nhiên cho đến nay vẫn chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán.

Như vậy, hành vi của Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ liên quan đến việc lập hồ sơ thanh toán nguồn vốn vay ODA thuộc dự án “Giáo dục và đào tạo nhân lực y tế phục vụ cải cách hệ thống y tế” trong trường hợp này chưa có thiệt hại xảy ra, số tiền 421.588.852 đồng này không được xem là số tiền thiệt hại do hành vi lợi dụng, chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ mà Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ gây ra. Do đó, chưa có đủ căn cứ để quy kết số tiền này đối với Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2025/HS-ST ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (nay là Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng) đã quyết định:

1. Căn cứ Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố: các bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Vũ Từ L** phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

- Hình phạt:

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ba 1** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn T1** 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Huỳnh Tấn T1** đảm nhiệm công việc liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức Đ** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Nguyễn Đức Đ** đảm nhiệm công việc liên quan đến nghiệp vụ kế toán trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Vũ Từ L** 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

- Buộc các bị cáo: **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Vũ Từ L** và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Bùi Anh V1**, **Nguyễn Văn V2**, **Phan Đăng K** có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** số tiền 415.500.000 (Bốn trăm mười lăm triệu, năm trăm nghìn) đồng.

Các bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nêu trên đã tự nguyện nộp đủ số tiền 415.500.000 đồng cho cơ quan điều tra, trong đó: Bị cáo

Nguyễn Ba N2 số tiền 192.000.000 đồng, bị cáo Huỳnh Tấn T1 nộp số tiền 218.800.000 đồng, Bùi Anh V1 nộp số tiền 750.000 đồng, Nguyễn Văn V2 nộp số tiền 800.000 đồng, Phan Đăng K nộp số tiền 3.150.000 đồng.

(Số tiền 415.500.000 đồng nêu trên hiện đang được gửi vào tài khoản tạm giữ số 39490904639300000 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03) Công an tỉnh Q đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q1).

- Trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Q số tiền 421.588.852 (Bốn trăm hai mươi một triệu, năm trăm tám mươi tám nghìn, tám trăm năm hai) đồng.

(Số tiền 421.588.852 đồng nêu trên đã được Trường Cao đẳng Y nộp cho Cơ quan điều tra, hiện đang được gửi vào tài khoản tạm giữ số 39490904639300000 của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu (PC03) Công an tỉnh Q đang tạm gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Q1).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp, phân án phí, và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 21/4/2025, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt trong thời hạn luật định. Sau đó các bị cáo kháng cáo cho rằng mình không phạm tội vì không có động cơ vụ lợi cá nhân.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn B, Vũ Từ L thay đổi kháng cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Huỳnh Tấn T1, Nguyễn Đức Đ kêu oan không xin giảm nhẹ hình phạt.

Các Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn B, bị cáo Vũ Từ L cho rằng các bị cáo có thực hiện việc bảo trì máy tính nhưng không tuân thủ theo đúng qui định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, hình phạt cấp sơ thẩm quá nghiêm khắc, đề nghị áp dụng nghị quyết 03/2020-/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC được qui định tại khoản 3 điều 5 của nghị quyết 03, các bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, lần đầu phạm tội, không có động cơ vụ lợi, vai trò đồng phạm thứ yếu trong vụ án nên áp dụng thêm khoản 2 điều 54 BLHS xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Bị cáo Ba có nộp các tài liệu mới thể hiện gia đình bị cáo có công cách mạng, bị cáo có bệnh án điều trị sức khỏe giảm sút nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo khoản 2 điều 51 BLHS khi lượng hình đối với bị cáo. Bị cáo L trong quá trình điều hành hoạt động của doanh nghiệp nộp thuế đầy đủ có giấy khen của cơ quan thuế. Đây là các tình tiết mới cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho các bị cáo

Bị cáo **T1** kêu oan đề nghị HĐXX huỷ án sơ thẩm để điều tra lại, không xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo **Đ** vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn kêu oan như bị cáo **T1**, không nhận tội.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị HĐXX phúc thẩm: bác kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, bị cáo **Đ** có đơn xin hoãn phiên tòa, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Tuy nhiên, đây là phiên lần thứ 2 nhưng lý do xin hoãn phiên tòa không có căn cứ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra **Công an tỉnh Q**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên bị cáo **T1** và bị cáo **Đ** cho rằng hành vi của các bị cáo không phạm tội.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Trường Cao đẳng Y được thành lập theo quyết định số 408/QĐ-BGD&ĐT ngày 24/01/2006 của **UBND tỉnh Q**, là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc **Ủy ban nhân dân tỉnh Q**, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của **Bộ G1**. **T5** có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và tài khoản riêng. Nguồn kinh phí hoạt động của **Trường Cao đẳng Y** chủ yếu từ hai nguồn: Ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu học phí của học sinh, sinh viên, cả hai nguồn này được sử dụng chung trong hoạt động của trường.

Bị cáo **Nguyễn B** và bị cáo **Huỳnh Tấn T1** - nguyên Hiệu trưởng; bị cáo **Nguyễn Đức Đ** - nguyên Kế toán trưởng **Trường Cao đẳng Y** được Chủ tịch UBND tỉnh Q bổ nhiệm chức vụ để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của nhà nước.

Từ năm 2017 đến năm 2023, bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1** và **Nguyễn Đức Đ** đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao thực hiện hành vi lập khống chứng từ thanh toán nguồn kinh phí thường xuyên (thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in và tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh) để sử dụng không đúng mục đích, trái nguyên tắc tài chính, kế toán gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 415.500.000 đồng, cụ thể:

- Bị cáo **Nguyễn B**: Năm 2017 và năm 2018, mặc dù **Trường Cao đẳng Y** không thực hiện bảo trì máy vi tính, máy in nhưng để có nguồn kinh phí phục vụ chi Tết Nguyên đán của **T5** nên **Nguyễn B** đã bàn bạc, thống nhất cùng **Nguyễn Đức Đ** - nguyên Kế toán trưởng nhờ **Vũ Từ L** ký hợp thức hồ sơ, lập khống 02 bộ chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** số tiền 192.000.000 đồng.

- Bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, năm 2019, 2020 cũng có hành vi như bị cáo **Nguyễn B**, đã chỉ đạo và cùng **Nguyễn Đức Đ** - nguyên Kế toán trưởng lập khống 02 bộ chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại cho nhà trường số tiền 192.000.000 đồng. Năm 2023, **Huỳnh Tấn T1** cùng **Nguyễn Đức Đ**, **Nguyễn Vũ H3**, **Bùi Anh V1** lập 04 hồ sơ thanh toán khống tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh gây thiệt hại số tiền: 31.500.000 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** là 223.500.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Đức Đ** thực hiện theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng **Trường Cao đẳng Y** (năm 2017, 2018 thực hiện theo chỉ đạo của **Nguyễn B** và năm 2019, 2020 thực hiện theo sự chỉ đạo của **Huỳnh Tấn T1**), đã lập khống 04 bộ chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** số tiền: 384.000.000 đồng. Năm 2023, thực hiện theo sự chỉ đạo của **Huỳnh Tấn T1**, lập 04 bộ chứng từ thanh toán khống tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh gây thiệt hại số tiền: 31.500.000 đồng. Tổng số tiền thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** là 415.500.000 đồng.

- Bị cáo **Vũ Từ L** - Giám đốc Công ty TNHH P1 (viết tắt Công ty P1): năm 2017, 2018, 2019, 2020, **Vũ Từ L** với vai trò giúp sức đã cùng với các bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1** và **Nguyễn Đức Đ** lập khống 04 bộ chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại cho **Trường Cao đẳng Y** số tiền: 384.000.000 đồng.

Mặc dù bị cáo **Nguyễn B** đã bàn bạc, thống nhất cùng bị cáo **Nguyễn Đức Đ** nhờ bị cáo **Vũ Từ L** ký hợp thức hồ sơ, lập khống 02 bộ chứng từ thanh toán tiền

bảo trì máy vi tính, máy in để thanh toán; tuy nhiên trong vụ án này các bị cáo có mối quan hệ là đồng nghiệp với nhau, bị cáo **Đ** thực hiện việc lập hồ sơ không dưới sự chỉ đạo của cấp trên đối với cấp dưới, bị cáo **L** thực hiện việc lập hồ sơ từ mối quan hệ quen biết làm ăn từ trước; động cơ mục đích không vì vụ lợi cá nhân, thực hiện vì mục đích hoạt động chung của **T5**; các bị cáo không có sự phân công nhiệm vụ cụ thể, do đó hành vi phạm tội của bị cáo **Nguyễn B**, **Nguyễn Đức Đ**, **Huỳnh Tấn T1** và **Vũ Từ L** không thuộc tình tiết định khung hình phạt “Có tổ chức”.

Như vậy, hành vi và hậu quả nêu trên của bị cáo **Nguyễn B** đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” với tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi và hậu quả nêu trên của các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Vũ Từ L** đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” với các tình tiết định khung tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên” và “Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng” theo quy định tại các điểm b, c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét tính chất của vụ án, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, thì thấy:

Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, vì muốn có tiền chi cho các hoạt động ngoài quy chế chi tiêu nội bộ của **Trường Cao đẳng Y**, các bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn lập không chứng từ thanh toán tiền bảo trì máy vi tính, máy in và tiền xe ô tô cho đoàn đi công tác tư vấn tuyển sinh để sử dụng trái mục đích, bản thân các bị cáo nhận biết được hành vi trên là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của **Trường Cao đẳng Y** và hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, nhà nước; ảnh hưởng lòng tin của nhân dân đối với những người đang thực thi công vụ. Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên xử các bị cáo phức hình phạt như trên là có căn cứ đúng pháp luật

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Các bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Vũ Từ L** đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

- Các bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Huỳnh Đức Đ2** và **Vũ Từ L** thống nhất thỏa thuận cùng chung tiền để khắc phục hậu quả và giao cho bị cáo **Nguyễn Ba N2** số tiền 192.000.000 đồng, bị cáo **Huỳnh Tấn T1** nộp số tiền 218.800.000 đồng. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

- Các bị cáo đều có thành tích xuất sắc trong công tác, sản xuất:

+ Bị cáo **Nguyễn Ba Đ3** nhà nước tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba; Bộ trưởng **Bộ Y2** tặng Kỷ niệm chương; Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** tặng 02 Bằng khen; Ban chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Quảng Nam tặng Giấy khen; Giám đốc **Công an tỉnh Q** tặng Giấy khen và nhiều Giấy khen khác.

+ Bị cáo **Huỳnh Tấn T1** được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** tặng 02 Bằng khen; **UBMTTQVN tỉnh Q** tặng Bằng khen; Ban chấp hành Đảng bộ Khối các cơ quan tỉnh Quảng Nam, Giám đốc **Công an tỉnh Q** tặng Giấy khen và nhiều Giấy khen khác.

+ Bị cáo **Nguyễn Đức Đ** được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** tặng 02 Bằng khen.

+ Bị cáo **Vũ Từ L** được Chủ tịch **Ủy ban nhân dân tỉnh Q** tặng Bằng khen.

Do vậy, các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Ngoài ra, gia đình các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** là gia đình có truyền thống cách mạng (bị cáo **Huỳnh Tấn T1** có ông nội **Huỳnh X1**, bà nội **Phạm Thị B2**, cha ruột ông **Huỳnh Tấn H** được Nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương kháng chiến; bị cáo **Nguyễn Đức Đ** bị tổn thương cơ thể 90%; có ông nội **Nguyễn T6**, mẹ ruột bà **Võ Thị H1** được Nhà nước tặng **H4**, Huy chương kháng chiến); bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Do đó, các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Nguyễn B** và **Vũ Từ L** được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4.3] Xét vai trò thực hiện tội phạm của từng bị cáo trong vụ án:

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo **Nguyễn Ba G** chức vụ là Hiệu trưởng, bị cáo **Huỳnh Tấn T1** giữ chức vụ Phó Hiệu Trưởng phụ trách và sau đó là Hiệu trưởng, điều hành **Trường Cao Đẳng Y**, giữ vai trò chỉ đạo tổ chức thực hiện toàn bộ hoạt động của **T5**, là người trực tiếp quyết định việc lập không 04 bộ hồ sơ bảo trì máy vi tính, máy in với **Công ty P1** (bị cáo **Nguyễn Ba L4**

không 02 bộ hồ sơ vào các năm 2017, 2018 gây thiệt hại cho nhà trường số tiền 192.000.000 đồng; bị cáo Huỳnh Tấn T1 lập không 02 bộ hồ sơ vào các năm 2019, 2020 gây thiệt hại cho nhà trường số tiền 192.000.000 đồng) nên các bị cáo Nguyễn B, Huỳnh Tấn T1 phải chịu trách nhiệm chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Mặc dù bị cáo Nguyễn Ba L5 người khởi xướng việc lập không chứng từ bảo trì máy vi tính, máy in, làm nền móng cho hành vi phạm tội của người kế nhiệm là bị cáo Huỳnh Tấn T1; tuy nhiên, đối với bị cáo Huỳnh Tấn T1 thì ngoài hành vi lập không hồ sơ bảo trì máy vi tính, máy in nêu trên thì bị cáo T1 còn phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi lập không chứng từ thanh toán tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh gây thiệt hại cho nhà trường số tiền 31.500.000 đồng; tổng số tiền bị cáo T1 gây thiệt hại cho nhà trường là 223.500.000 đồng. Vì vậy, cần quyết định mức hình phạt của bị cáo Huỳnh Tấn T1 cao hơn bị cáo Nguyễn Ba L5 phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Đức Đ: tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo giữ chức vụ Kế toán trưởng Trường Cao đẳng Y, là người trực tiếp tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác kế toán của T5, thế nhưng bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm tích cực, thực hiện theo chỉ đạo của các bị cáo Nguyễn B, Huỳnh Tấn T1 trong việc lập không hồ sơ bảo trì máy vi tính, máy in (vào các năm 2017, 2018, 2019, 2020) và lập không chứng từ thanh toán tiền thuê xe ô tô cho đoàn công tác đi tư vấn tuyển sinh vào năm 2023 nên bị cáo phải chịu trách nhiệm sau các bị cáo Nguyễn B, Huỳnh Tấn T1 là phù hợp.

Đối với bị cáo Vũ Từ L: bị cáo là Giám đốc Công ty TNHH P1, bị cáo biết rõ hành vi lập không chứng từ thanh toán cho Trường Cao đẳng Y là vi phạm pháp luật nhưng vì cả nể về mối quan hệ làm ăn từ trước, bị cáo đã giúp sức cho các bị cáo Nguyễn B, Huỳnh Tấn T1 và Nguyễn Đức Đ lập không 04 bộ chứng từ thanh toán bảo trì máy vi tính, máy in gây thiệt hại cho nhà trường số tiền 384.000.000 đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không vì mục đích vụ lợi cá nhân, thực tế số tiền 38.400.000 đồng (10%) bị cáo giữ lại để nộp thuế cho nhà nước nên bị cáo L giữ vai trò thấp hơn các bị cáo khác trong vụ án.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo và tuyên xử hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo Nguyễn B, Vũ Từ L có thêm tình tiết giảm nhẹ mới như trình bày của luật sư nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo. Nhưng chỉ áp dụng khoản 2 điều 54 BLHS đối với bị cáo Long xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề vì có vai trò đồng phạm giúp sức mờ nhạt, không đáng kể.

Các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** kêu oan, đề nghị huỷ án không xin giảm nhẹ hình phạt nên không có cơ sở xem xét

[7] Về hình phạt bổ sung:

Đối với các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** là người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi phạm tội nên xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm các bị cáo đảm nhiệm công việc nhất định liên quan đến hành vi phạm tội trong một thời gian sau khi chấp hành xong hình phạt tù theo quy định tại khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Đối với **Nguyễn Ba H5** đang là cán bộ Hưu trí; bị cáo **Vũ Từ L** là chủ doanh nghiệp tư nhân. Do vậy, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với 02 bị cáo.

[8] Về án phí: Các bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Nguyễn B**, **Vũ Từ L** sửa một phần bản án sơ thẩm về phần hình phạt; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**.

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

2. Tuyên bố: các bị cáo **Nguyễn B**, **Huỳnh Tấn T1**, **Nguyễn Đức Đ**, **Vũ Từ L** phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Tấn T1** 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Huỳnh Tấn T1** đảm nhiệm công việc liên quan đến quản lý ngân sách nhà nước trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Đức Đ** 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo **Nguyễn Đức Đ** đảm nhiệm công việc liên quan đến nghiệp vụ kế toán trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ khi chấp hành xong hình phạt tù.

+ Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Ba 11** (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

+ Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán TANDTC

Xử phạt bị cáo **Vũ Từ L** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị bắt đi thi hành án.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo **Huỳnh Tấn T1** và **Nguyễn Đức Đ** mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện CT và KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND Tp. Đà Nẵng;
- VKSND Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cục THADS Tp. Đà Nẵng;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Anh Dũng